

Số: 04/QĐ-THCSNTB

Bình Hòa, ngày 06 tháng 08 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai dự toán Thu, Chi ngân sách nhà nước năm 2025 sau sáp nhập

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS NGUYỄN THÁI BÌNH

Căn cứ Quyết định số 2408/QĐ-UBND ngày 15/06/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Thuận An về việc phê duyệt phương án và giao quyền tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp Trung học cơ sở Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2023 – 2025 theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 05/08/2025 của Ủy ban nhân dân phường Bình Hoà về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 sau sáp nhập;

Xét đề nghị của Kế toán trường THCS Nguyễn Thái Bình,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công khai Dự toán Thu, Chi ngân sách nhà nước năm 2025 sau sáp nhập của Trường THCS Nguyễn Thái Bình (theo biểu mẫu đính kèm);

Điều 2: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các bộ phận, viên chức và người lao động của Trường THCS Nguyễn Thái Bình tổ chức thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- UBND phường Bình Hoà (để báo cáo);
- Phòng KTHT&ĐT phường Bình Hoà (để báo cáo);
- Phòng VH-XH phường Bình Hoà (để báo cáo);
- Lưu: VT.



Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Tên đơn vị: **Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thái Bình**
Mã chương: 822, Khoản: 073
Mã QHNS: 1113087

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SÁP NHẬP

(Kèm theo Quyết định số 04/QĐ-THCSNTB ngày 06/08/2025
của Trường THCS Nguyễn Thái Bình)

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao đầu năm
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	2.711.240.000
I	Số thu phí, lệ phí	2.711.240.000
1	Học phí	1.814.440.000
2	Căn tin	896.800.000
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	2.711.240.000
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	22.734.000.000
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	18.320.000.000
	- Chi cho con người	16.254.000.000
	- Chi hoạt động	2.066.000.000
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.414.000.000
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG BÌNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 166/QĐ-UBND

Bình Hòa, ngày 05 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách phường năm 2025 sau sắp xếp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị Quyết số 13/NQ-HĐND ngày 31/7/2025 của Hội đồng nhân dân phường Bình Hòa về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu - chi ngân sách phường năm 2025 của UBND phường Bình Hòa sau sắp xếp,
Xét đề nghị của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường tại Tờ trình số 80/TTr-KTHT&ĐT ngày 04/8/2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách phường năm 2025 sau sắp xếp cho Đảng ủy, UB MTTQVN, An ninh – Quốc phòng, các phòng chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân phường Bình Hòa, ban hành kèm theo Quyết định này như sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 152.296.000.000 đồng

Trong đó:

-Các khoản thu 100% 6.540.000.000 đồng

-Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % 145.756.000.000 đồng

2. Tổng thu ngân sách phường: 152.302.000.000 đồng

Bao gồm:

-Các khoản thu 100% 6.540.000.000 đồng

-Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % 3.842.000.000 đồng

-Thu chuyển nguồn 4.460.000.000 đồng

-Thu bổ sung cân đối ngân sách 119.706.000.000 đồng

-Thu bổ sung từ nguồn thực hiện CCTL 17.202.000.000 đồng

-Thu bổ sung có mục tiêu 552.000.000 đồng

3. Tổng chi ngân sách phường: 152.302.000.000 đồng

Bao gồm:

Chi đầu tư	1.052.000.000 đồng
Chi thường xuyên	148.264.000.000 đồng
Dự phòng	2.986.000.000 đồng

(Đính kèm phụ lục)

Điều 2. Căn cứ dự toán năm 2025 được giao, đề nghị Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng Luật Ngân sách nhà nước và các chính sách, chế độ hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND, Trưởng phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị, Giám đốc Phòng giao dịch số 18 – Kho bạc Nhà nước Khu vực II và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này được áp dụng cho năm ngân sách 2025. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Ngọc Châu

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2025 của UBND phường Bình Hòa)

Đơn vị: triệu đồng

Chương	Loại	Khoản	Mã nguồn	Diễn giải	Dự toán năm 2025	Trong đó		
						10% CCTL	10% TK hoạt động	Dự toán còn lại
					69.136.000.000	1.378.000.000	804.000.000	66.954.000.000
822	070	071	13	MN Hoa Cúc 6	4.284.000.000	66.000.000	38.000.000	4.180.000.000
822	070	071	13	MN Hoa Cúc 9	8.021.000.000	133.000.000	78.000.000	7.810.000.000
822	070	071	13	MN Bình Hòa	4.607.000.000	74.000.000	43.000.000	4.490.000.000
822	070	072	13	Tiểu học Bình Hòa	20.626.000.000	439.000.000	256.000.000	19.931.000.000
822	070	072	13	Tiểu học Bình Hòa 2	12.627.000.000	255.000.000	149.000.000	12.223.000.000
822	070	073	13	THCS Nguyễn Thái Bình	18.971.000.000	411.000.000	240.000.000	18.320.000.000
					16.732.000.000	-	-	16.732.000.000
822	070	071	12	MN Hoa Cúc 6	1.240.000.000			1.240.000.000
822	070	071	12	MN Hoa Cúc 9	1.987.000.000			1.987.000.000
822	070	071	12	MN Bình Hòa	864.000.000			864.000.000
822	070	072	12	Tiểu học Bình Hòa	5.440.000.000			5.440.000.000
822	070	072	12	Tiểu học Bình Hòa 2	2.787.000.000			2.787.000.000
822	070	073	12	THCS Nguyễn Thái Bình	4.414.000.000			4.414.000.000
				Tổng cộng	85.868.000.000	1.378.000.000	804.000.000	83.686.000.000

Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng số): 85.868.000.000 đồng

Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng chữ): Tám mươi lăm tỷ tám trăm sáu mươi tám triệu đồng.

Bộ phận tài chính, kế toán

Nguyễn Thị Thu Trinh

TM.ỦY BAN DÂN NHÂN PHƯỜNG
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Ngọc Châu



Thành phố Hồ Chí Minh
Phường Bình Hòa

Mẫu biểu số 06

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI TIẾT CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

Trường THCS Nguyễn Thái Bình

Mã QHNS: 1113087

(Kèm theo Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 của UBND phường Bình Hòa)

Đơn vị: đồng

Chương	Loại	Khoản	Diễn giải	Dự toán	Ghi chú
			I-Tổng số thu, chi, nộp NS các khoản phí, lệ phí & thu khác		
			Số thu phí, lệ phí & thu SN	2.711.240.000	
			- Học phí	1.814.440.000	
			- Thu khác (căn tin, giữ xe)	896.800.000	
			Chi từ nguồn thu phí, lệ phí & thu khác được để lại	2.711.240.000	
			- Học phí	1.814.440.000	
			- Thu khác (căn tin, giữ xe)	896.800.000	
			Số phí, lệ phí nộp NSNN	0	
			II- Dự toán chi cân đối NSNN		
822	070	073	Sự nghiệp giáo dục	22.734.000.000	
			1-Nguồn kinh phí tự chủ (13) (đã trừ 10% CCTL, 10% TK chi hoạt động)	18.320.000.000	
			Chi con người	16.254.000.000	
			Chi hoạt động	2.066.000.000	
			2-Nguồn kinh phí không tự chủ (12)	4.414.000.000	
			Đào tạo	10.000.000	
			Thừa giờ thừa buổi	3.650.000.000	
			Chi khác: tiền tết, chi theo ND 81/2021/ND-CP; NQ 05/2019/NQ-HĐND; NQ 07/2019/NQ-HĐND; NQ 22/2024/NQ-HĐND	754.000.000	
			Trong đó:		
			Cấp bù tiền miễn giảm học phí (ND 81/2021/ND-CP)	14.000.000	
			Hỗ trợ chi phí học tập (ND 81/2021/ND-CP)	27.000.000	

Tổng dự toán chi ngân sách phường (bằng số): 22.734.000.000đ

Tổng dự toán chi ngân sách phường (bằng chữ): Hai mươi hai tỷ bảy trăm ba mươi bốn triệu đồng.

Đơn vị: Trường THCS Nguyễn Thái Bình
Chương: 622; Loại: 073

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Hoà, ngày 08 tháng 07 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 2/2025
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Trường THCS Nguyễn Thái Bình công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý 2 năm 2025 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 2/năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 2/2025 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	2.362.000.000	590.189.390		
I	Số thu phí, lệ phí	2.362.000.000	2.061.229.120		
1	Lệ phí				
	Học phí	1.868.000.000	1.164.440.000		
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Cần tin - Giữ xe	494.000.000	896.789.120		
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại		590.189.390		
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		590.189.390		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	22.974.000.000	8.374.958.344		
I	Nguồn ngân sách trong nước	22.974.000.000	8.374.958.344		
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	22.974.000.000	8.374.958.344		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	18.560.000.000	4.650.418.972		
6000	Tiền lương		2.429.944.800		
1	Lương ngạch bậc		2.333.116.800		
51	Lương hợp đồng		32.736.000		
51	Khoản Bảo vệ - Phục vụ		64.092.000		
6100	Phụ cấp		1.011.078.785		
1	Chức vụ		25.272.000		
12	Ưu đãi		692.944.784		
13	Trách nhiệm		648.000		
15	Thâm niên		292.214.001		
6200	Phúc lợi tập thể		-		
6300	Các khoản đóng góp		626.210.053		
1	BHXH 17,5%		480.800.390		
2	BHYT 3%		82.422.924		
3	KPCD 2%		35.512.430		
4	BHTN 1%		27.474.309		
6400	Thanh toán cá nhân		-		

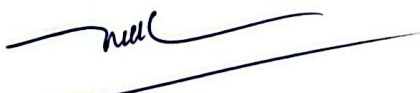
Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 2/năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 2/2025 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
6500	Dịch vụ công cộng		-		
6550	Vật tư văn phòng		-		
6600	Thông tin liên lạc		0		
6650	Hội nghị		0		
6700	Công tác phí		4.500.000		
4	Khoản CTP		4.500.000		
6750	Chi phí thuê mướn		0		
6900	Sửa chữa thường xuyên		0		
6950	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên ôn		0		
7000	Chi phí NVCM		578.685.334		
12	CP Nghiệp vụ chuyên ngành		165.400.000		
49	Chi khác (Học sinh)		413.285.334		
7050	Mua sắm tài sản vô hình		-		
7750	Chi khác		-		
7950	Chi lập quỹ của đơn vị		0		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.414.000.000	3.724.539.372		
6100	Phụ cấp		3.644.190.212		
5	Phụ cấp thêm giờ		3.644.190.212		
6400	Các khoản thanh toán cá nhân		68.549.160		
49	Trợ cấp, phụ cấp khác		68.549.160		
	Nhà trọ		24.570.000		
	Hỗ trợ bảo vệ		3.600.000		
	Hỗ trợ phục vụ		3.000.000		
	Thạc sỹ		21.060.000		
	Nhân viên ngành Giáo dục		17.255.160		
	Thư viện		(936.000)		
6550	Vật tư văn phòng		-		
6750	Chi phí thuê mướn		2.950.000		
57	Thuê lao động trong nước				
58	Thuê đào tạo cán bộ		2.950.000		
7000	Chi phí NVCM		-		
4	Trang phục bảo vệ				
7750	Chi khác		8.850.000		
66	Cấp bù học phí		3.600.000		
99	Chi phí học tập		5.250.000		
8000	Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm		-		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
11	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

U
A
N
H
O
A
I

Thực hiện q
nay so với
tỷ lệ %)

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 2/năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 2/2025 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Kế toán


Đỗ Bá Tuấn

Bình Hoà, ngày 06 tháng 4... Năm 2025



Đơn vị: TRƯỜNG THCS NGUYỄN THÁI BÌNH
Chương: 622; KHOẢN: 073; QHNS: 1113087

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ 2/2025

(Kèm theo Quyết định số: .../QĐ- THCS NTB ngày.../.../2025 của Trường THCS Nguyễn Thái Bình)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	2.061.229.120	2.061.229.120	-	
1	- Học phí	1.164.440.000	1.164.440.000	-	
2	- Căn tin	896.789.120	896.789.120	-	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	590.189.390	590.189.390	-	
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	590.189.390	590.189.390	-	
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			-	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0	-	
1	- Học phí			-	
2	- Căn tin			-	
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	8.374.958.344	8.374.958.344	-	
I	Nguồn ngân sách trong nước	8.374.958.344	8.374.958.344	-	
1	Chi quản lý hành chính			-	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			-	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	8.374.958.344	8.374.958.344	-	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.650.418.972	4.650.418.972	-	
6000	Tiền lương	2.429.944.800	2.429.944.800	-	
1	Lương ngạch bậc	2.333.116.800	2.333.116.800	-	
51	Lương hợp đồng	32.736.000	32.736.000	-	
51	Khoản Bảo vệ - Phục vụ	64.092.000	64.092.000	-	
6100	Phụ cấp	1.011.078.785	1.011.078.785	-	
1	Chức vụ	25.272.000	25.272.000	-	
12	Ưu đãi	692.944.784	692.944.784	-	
13	Trách nhiệm	648.000	648.000	-	
15	Thâm niên	292.214.001	292.214.001	-	
6200	Phúc lợi tập thể	-	-	-	
6300	Các khoản đóng góp	626.210.053	626.210.053	-	
1	BHXH 17,5%	480.800.390	480.800.390	-	
2	BHYT 3%	82.422.924	82.422.924	-	
3	KPCĐ 2%	35.512.430	35.512.430	-	
4	BHTN 1%	27.474.309	27.474.309	-	
6400	Thanh toán cá nhân	-	-	-	
6500	Dịch vụ công cộng	-	-	-	
6550	Vật tư văn phòng	-	-	-	
6600	Thông tin liên lạc	0	0	-	
6650	Hội nghị	0	0	-	
6700	Công tác phí	4.500.000	4.500.000	-	
4	Khoản CTP	4.500.000	4.500.000	-	
6750	Chi phí thuê mượn	0	0	-	
6900	Sửa chữa thường xuyên	0	0	-	
6950	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	0	0	-	



Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán đã duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
56	Các thiết bị công nghệ thông tin			-	
7000	Chi phí NVCM	578.685.334	578.685.334	-	
12	CP Nghiệp vụ chuyên ngành	165.400.000	165.400.000	-	
49	Chi khác (Học sinh)	413.285.334	413.285.334	-	
7050	Mua sắm tài sản vô hình	-	-	-	
7750	Chi khác	-	-	-	
7950	Chi lập quỹ của đơn vị	0	0	-	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.724.539.372	3.724.539.372	-	
6100	Phụ cấp	3.644.190.212	3.644.190.212	-	
5	Phụ cấp thêm giờ	3.644.190.212	3.644.190.212	-	
6400	Các khoản thanh toán cá nhân	68.549.160	68.549.160	-	
49	Trợ cấp, phụ cấp khác	68.549.160	68.549.160	-	
	Nhà trọ	24.570.000	24.570.000	-	
	Hỗ trợ bảo vệ	3.600.000	3.600.000	-	
	Hỗ trợ phục vụ	3.000.000	3.000.000	-	
	Thạc sỹ	21.060.000	21.060.000	-	
	Nhân viên ngành Giáo dục	17.255.160	17.255.160	-	
	Thư viện	(936.000)	(936.000)	-	
6550	Vật tư văn phòng	-	-	-	
6750	Chi phí thuê mướn	2.950.000	2.950.000	-	
58	Thuê đào tạo cán bộ	2.950.000	2.950.000	-	
7000	Chi phí NVCM	-	-	-	
7750	Chi khác	8.850.000	8.850.000	-	
66	Cấp bù học phí	3.600.000	3.600.000	-	
99	Chi phí học tập	5.250.000	5.250.000	-	
8000	Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm	-	-	-	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			-	
5	Chi bảo đảm xã hội			-	
6	Chi hoạt động kinh tế			-	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			-	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			-	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			-	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			-	
II	Nguồn vốn viện trợ			-	
1	Chi quản lý hành chính			-	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			-	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			-	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			-	
5	Chi bảo đảm xã hội			-	
6	Chi hoạt động kinh tế			-	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			-	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			-	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			-	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			-	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài			-	
1	Chi quản lý hành chính			-	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			-	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			-	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			-	
5	Chi bảo đảm xã hội			-	

Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
6	Chi hoạt động kinh tế			-	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			-	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			-	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			-	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			-	

Kế toán


Đỗ Bá Tuấn

Bình Hòa, ngày 08 tháng 08 năm 2025



Thủ trưởng đơn vị
(Chữ ký, dấu)


Huỳnh Thị Thu Trang

